

THÔNG BÁO LUỒNG

Thường xuyên đường thủy nội địa quốc gia tháng 8/2020 tại tỉnh Nghệ An

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ văn bản số 3017/SGTVT-KHKCHT ngày 14/9/2020 của Sở Giao thông vận tải Nghệ An về việc đề nghị công bố thông báo luồng thường xuyên đường thủy nội địa quốc gia tỉnh Nghệ An tháng 8/2020;

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố thông báo thường xuyên luồng đường thủy nội địa quốc gia tháng 8/2020, tỉnh Nghệ An, như sau:

I. Tình hình mực nước

TT	Sông	Trạm chính	Mực nước lớn nhất trong tháng (H_{max})		Mực nước nhỏ nhất trong tháng (H_{min})	
			M.nước	Thời gian	M.nước	Thời gian
1	Sông Lam	Vinh	2,50	19h, 2/8/2020	-0,20	7h, 19/8/2020
		Nam Đàn	2,00	19h, 4/8/2020	-0,30	7h, 16, 17/8/2020
		Đô Lương	9,70	13h, 04/08/2020	6,10	7h, 13h, 19h 30/07/2020
		Anh Sơn	16,50	7h;19h, 22/8/2020	12.50	7h, 1/8/2020
2	Sông Hoàng Mai	Hoàng Mai	3,10	15h, 16h, 02/8/2020	0,40	4h, 3/8/2020 6h, 4/8/2020
3	Kênh nhà Lê	Hưng Nghi	0,25	19h, 8/7/2020	0,00	19h, 21/7/2020

II. Tình hình luồng

1. Cầu, đường dây điện ngang sông

TT	Tuyến sông	Cầu, đường dây điện...	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng luồng		
				Tĩnh Không	C.rộng KTT	Mực nước đo tại thời điểm
I		Cầu				
*	Sông Lam					
1		Cầu Bến Thủy I	Km20+200 (TP. Vinh, Nghệ An)	7.40	84	2,50 lúc 19h ngày 02/8/2020
2		Cầu Bến Thủy II	Km21+850 (TP. Vinh, Nghệ An)	7.40	120	2,50 lúc 19h ngày 02/8/2020
3		Cầu Yên Xuân ĐS	Km40+100 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	4.76	58	2,50 lúc 19h ngày 02/8/2020
4		Cầu Yên Xuân ĐB	Km42+850 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	8.40	70	2,50 lúc 19h ngày 02/8/2020

5		Cầu Nam Đàn	Km60+450 (Nam Đàn, Nghệ An)	10.40	30	2,00 lúc 19h ngày 4/8/2020
6		Cầu Rỗ	Km82+600 (Thanh Chương, Nghệ An)	6.05	35	9,70 lúc 13h, 04/08/2020
7		Cầu Dừng	Km94+950 (Thanh Chương, Nghệ An)	7.28	40	6,60-13h, 19h, ngày 31/7/2020
8		Cầu treo Dừng	Km95+050 (Thanh Chương, Nghệ An)	7.26	40	9,70 lúc 13h, 04/08/2020
9		Cầu treo Rạng	Km100+450 (Thanh Chương, Nghệ An)	8.50	40	9,70 lúc 13h, 04/08/2020
10		Cầu Đô Lương	Km122+400 (Đô Lương, Nghệ An)	9.70	30	9,70 lúc 13h, 04/08/2020
11		Cầu treo đồ Mượu	Km 126+ 500 (Đô Lương- Nghệ An)	13,6	40	16,50 lúc 7h;19h, 22/8/2020
12		Cầu Khai Sơn	Km141+750(Anh Sơn – Nghệ An)	10.2	25	16,50 lúc 7h;19h, 22/8/2020
13		Cầu treo Đức Sơn	Km151+ 150(Anh Sơn- Nghệ An)	12.2	40	16,50 lúc 7h;19h, 22/8/2020
14		Cầu treo đồ Rông	Km167+ 100(Anh Sơn- Nghệ An)	11,6	40	16,50 lúc 7h;19h, 22/8/2020
15		Cầu Cây Chanh	Km178+00(Anh Sơn – Nghệ An)	10,4	25	16,50 lúc 7h;19h, 22/8/2020
*	Sông Hoàng Mai					
1		Cầu đèn Cờn	Km5+300 (Hoàng Mai, Nghệ An)	2.60	30	3,10 lúc 15h, 16h ngày 02/8/2020
2		Cầu Hoàng Mai	Km11+450 (Hoàng Mai, Nghệ An)	2.39	20	3,10 lúc 15h, 16h ngày 02/8/2020
3		Cầu Mai Hùng	Km14+400 (Hoàng Mai, Nghệ An)	4.00	30	3,10 lúc 15h, 16h ngày 02/8/2020
4		Cầu đường sắt	Km17+850 (Hoàng Mai, Nghệ An)	5.90	30	3,10 lúc 15h, 16h ngày 02/8/2020
*	Kênh nhà Lê					
1		Cầu Trung Đô	Km0+200 (TP. Vinh, Nghệ An)	6.70	25	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
2		Cầu Đen	Km2+500 (TP. Vinh, Nghệ An)	3.10	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
3		Cầu Tân Phụng	Km3+500 (TP. Vinh, Nghệ An)	3.70	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
4		Cầu Tùng Bình	Km4+300 (TP. Vinh, Nghệ An)	3.60	18	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
5		Cầu Cửa Tiền 1	Km4+650 (TP.	3.00	20	1,35 lúc 19h ngày

			Vinh, Nghệ An)			3/8/2020
6		Cầu Cửa Tiền 2	Km5+200 (TP. Vinh, Nghệ An)	2.90	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
7		Cầu tàu Vĩnh Mỹ	Km6+400 (TP. Vinh, Nghệ An)	4.00	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
8		Cầu Đước	Km7+(TP. Vinh, Nghệ An)	4.90	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
9		Cầu treo Đông Vĩnh	Km10+000 (TP. Vinh, Nghệ An)	3.60	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
10		Cầu Chợ Già mới	Km12+800 (TP. Vinh, Nghệ An)	5.20	25	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
11		Cầu Chợ Già cũ	Km12+900 (TP. Vinh, Nghệ An)	3.70	10	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
12		Cầu Kê Gai	Km13+400 (TP. Vinh, Nghệ An)	2.80	10	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
13		Cầu Nghi Vạn	Km15+500 (TP. Vinh, Nghệ An)	3.90	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
14		Cầu Vạn Tăng	Km17+800 (TP. Vinh, Nghệ An)	2.70	10	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
15		Cầu Chợ Cầu	Km22+600 (TP. Vinh, Nghệ An)	2.70	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
16		Cầu Phương Tích	Km25+500 (TP. Vinh, Nghệ An)	6.20	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
17		Cầu Nghi Thuận	Km31+500 (TP. Vinh, Nghệ An)	5.20	20	1,35 lúc 19h ngày 3/8/2020
II	Đường Dây Điện					
*	Sông Lam					
1		Cáp quang	Km 20+900 (Bến Thủy, Nghệ An)	7.45		
2		Điện 110 KV	Km21+300 (Bến Thủy, Nghệ An)	25.00		
3		Điện 35 KV	Km27+400 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	22.70		
4		Điện 220 KV	Km27+600 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	20.00		
5		Điện 110 KV	Km28+00 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	20.2		
6		Điện 220 V	Km60+700 (Nam Đàn, Nghệ An)	29.00		
7		Điện 500 KV	Km61+800 (Nam Đàn, Nghệ An)	38.00		

8		Điện 500 KV	Km62+200 (Nam Đàn, Nghệ An)	38.00		
9		Điện 35 KV	Km71+030 (T. Chương, Nghệ An)	12.00		
10		Cáp quang	Km84+00 Thanh Chương, Nghệ An)	12.00		
11		Điện 35 KV	Km95+070 (Thanh Chương, Nghệ An)	18.00		
12		Cáp quang	Km99+050 (Thanh Chương, Nghệ An)	15.00		
13		Điện 110KV	Km113+500 (Đô Lương, Nghệ An)	12.00		
14		Cáp quang	Km116+900 (Thanh Chương, Nghệ An)	15.00		
15		Điện 110 KV	Km119+100 (Đô Lương, Nghệ An)	25.00		
16		Điện 35 KV	Km122+200 (Đô Lương, Nghệ An)	21.11		
17		Điện 35 KV	Km138+ 500Anh Sơn- Nghệ An)	17,5		
18		Điện 35KV	Km141+ 100(Anh Sơn- Nghệ An)	17.8		
19		Điện 35KV	Km144+00(Anh Sơn- Nghệ An)	15,6		
20		Điện 35KV	Km155+00(Anh Sơn- Nghệ An)	17,5		
21		Cáp Thủy văn	Km163+ 500(Anh Sơn- Nghệ An)	18.8		
22		Điện 35 KV	Km167+300(Anh Sơn- Nghệ An)	18,5		
23		Điện 35 KV	Km 174+800(Anh Sơn- Nghệ An)	17,5		
24		Điện 35 kv	Km 177+ 900(Anh son- Nghệ An)	18,3		
*	Sông Hoàng Mai					
1		Điện 220KV	Km5+900 (Hoàng Mai, Nghệ An)	9.00		
2		Điện 220KV	Km8+180 (Hoàng Mai, Nghệ An)	9.00		
3		Điện 220KV	Km9+360 (Hoàng Mai, Nghệ An)	8.60		

4		Cáp Quang	Km11+470 (Hoàng Mai, Nghệ An)	6.00		
5		Điện 110KV	Km11+900 (Hoàng Mai, Nghệ An)	8.00		
6		Điện 110KV	Km12+150 (Hoàng Mai, Nghệ An)	7.00		
7		Điện 220KV	Km14+920 (Hoàng Mai, Nghệ An)	12.25		
8		Điện 220KV	Km15+050 (Hoàng Mai, Nghệ An)	32.20		
*	Kênh nhà Lê					
1		Điện 35 KV	Km0+800 (TP Vinh, Nghệ An)	16.95		
2		Điện 35 KV	Km1+200 (TP Vinh, Nghệ An)	13.70		
3		Điện 35 KV	Km1+500 (TP Vinh, Nghệ An)	21.60		
4		Điện 220 KV	Km5+800 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	18.25		
5		Điện 110 KV	Km6+800 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	17.00		
6		Điện 35 KV	Km7+100 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	14.25		
7		Điện 110 KV	Km8+600 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	19.25		
8		Điện 35 KV	Km8+800 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	14.00		
9		Điện 110 KV	Km10+305 (Hưng Nguyên, Nghệ An)	16.52		
10		Điện 110 KV	Km11+500 (Đô Lương, Nghệ An)	16.52		
11		Điện 110 KV	Km12+300 (Nghị Lộc, Nghệ An)	16.52		
12		Điện 110 KV	Km14+900 (Nghị Lộc, Nghệ An)	9.70		
13		Điện 220 KV	Km34+600 (Nghị Lộc, Nghệ An)	9.00		

2. Kè, vật chướng ngại

TT	Kè, vật chướng ngại	Các đặc trưng luồng					Ngày đo
		Độ sâu (h)	MN (H)	Cao độ (Z)	Chiều rộng (B)	Chiều dài (L)	

* Sông Lam							
1	Mố cầu phao cũ Km21+050	6.59	0.80	-5.79	40.00	20.00	7h ngày 3/8
2	Bãi đá ngầm Km21+300	16.79	0.80	- 15.99	40.00	15.00	7h ngày 3/8
3	Kè mỏ hàn Km25+00	6.23	0.85	-5.38	40.00	30.00	7h30 ngày 3/8
4	Kè mỏ hàn Km32+200	7.80	0.90	-6.90	40.00	20.00	8h ngày 3/8
5	Kè mỏ hàn Km33+800	9.62	1.50	-8.12	40.00	30.00	13h ngày 4/8
6	Kè mỏ hàn Km40+050	15.52	1.60	- 13.92	40.00	15.00	13h30 ngày 3/8
7	Kè sạt lở đường sắt Km41+100 – Km41+800	16.13	1.60	- 14.53	40.00	700	13h30 ngày 3/8
8	Kè mỏ hàn Km45+500	9.43	0.50	-8.93	40.00	5.00	8h00 ngày 5/8
9	Kè mỏ hàn Km45+800	6.09	0.50	-5.59	40.00	5.00	8h00 ngày 5/8
10	Bãi đá ngầm Khánh Sơn Km50+550	6.00	1.10	-4.90	40.00	10.00	9h00 ngày 2/8
11	Bãi đá ngầm Côn bụt Km50+570	5.00	1.10	-3.99	40.00	15.00	9h00 ngày 2/8
12	Kè mỏ hàn Km55+020	7.00	0.80	-6.20	40.00	10.00	8h30 ngày 3/8
13	Bãi đá ngầm Km56+450	4.73	0.80	-3.93	40.00	5.00	8h30 ngày 3/8
14	Bãi đá ngầm Xuân Hòa Km56+950	3.70	0.80	-2.90	40.00	10.00	8h30 ngày 3/8
15	Bãi đá ngầm Km58+200	3.70	0.95	-2.75	40.00	5.00	10h00 ngày 3/8
16	Bãi đá ngầm Km59+050	7.90	1.35	-6.55	35.00	10.00	15h00 ngày 2/8
17	Bãi cạn ngầm bên phà cũ Km60+850	9.00	0.95	-8.05	40.00	20.00	10h00 ngày 3/8
18	Bãi đá ngầm Nam Thượng Km66+300	3.60	1.30	-1.30	40.00	20.00	15h00 ngày 4/8
19	Bãi đá ngầm Thanh Khai Km69+400	3.40	1.30	-2.10	40.00	5.00	15h00 ngày 4/8
20	Bãi đá ngầm Thanh Khai Km70+000	5.33	1.30	-4.03	40.00	5.00	15h00 ngày 4/8
21	Bãi đá ngầm Thanh Yên Km70+400	3.50	1.30	-2.20	40.00	5.00	15h00 ngày 4/8
22	Kè đá đổ Km89+100	11.60	4.10	-7.50	40.00	20.00	16h00 ngày 10/8
23	Dãy đá ngầm Km93+250	6.30	4.05	-1.25	20.00	20.00	16h00 ngày 10/8

24	Kè mở hàn Km101+780	4.76	4.70	0.06	40.00	20.00	15h00 ngày 10/8
25	Bãi đá ngầm Km107+950	7.40	6.00	-1.40	35.00	20.00	10h00 ngày 10/8
26	Bãi đá ngầm Km108+400	8.65	6.00	-2.65	40.00	20.00	10h00 ngày 10/8
27	Cụm kè mở hàn Km114+060 - Km114+600	11.33	7.00	-4.33	40.00	540.00	8h00 ngày 2/8
28	Bãi đá ngầm Km118+350	9.42	7.00	-2.42	40.00	5.00	8h00 ngày 2/8
29	Dãi bê tông bên phà cũ Km122+200	10.53	6.90	-3.63	40.00	10.00	10h00 ngày 4/8
30	Bãi đá ngầm Km122+820	7.16	6.90	-0.26	40.00	15.00	10h00 ngày 4/8
31	Bãi Đá ngầm (Long Son) Km Km182+500	2.4	12.9	10.5	18.00	50	07h00 ngày 12/8
*	Sông Hoàng Mai						
1	Bãi đá ngầm Km1 + 00	4.04	0.90	-3.14	40.00	15.00	10h00 ngày 2/8
2	Bãi đá ngầm Km3 + 100	5.20	0.90	-4.30	40.00	15.00	10h00 ngày 2/8
3	Bãi đá ngầm Km9 + 700	3.90	0.50	-3.40	40.00	5.00	15h00 ngày 2/8
4	Bãi đá ngầm Km14 + 660	6.00	0.60	-5.40	40.00	5.00	16h00 ngày 2/8
5	Bãi đá ngầm Km14 + 800	5.25	0.60	-4.65	40.00	5.00	16h00 ngày 2/8
6	Bãi đá ngầm Km14 + 950	5.60	0.60	-5.00	40.00	7.00	16h00 ngày 2/8
7	Bãi đá ngầm Km15 + 950	4.47	0.65	-3.82	40.00	8.00	17h00 ngày 2/8
8	Bãi đá ngầm Km16 + 700	3.45	0.65	-2.80	40.00	8.00	16h00 ngày 2/8
9	Bãi đá ngầm Km16 + 980	3.18	0.65	-2.53	40.00	7.00	16h00 ngày 2/8
*	Lan Châu-Hòn Ngự						
1	Bãi đá ngầm Km0+250	6.00	1.00	-5.00	100.00	20.00	9h00 ngày 15/8

IV. Một số điều lưu ý

- Hiện nay đang vào mùa mưa lũ một số cầu trên tuyến tỉnh không thấp khi mực nước sông dâng:

+ Sông Lam: cầu Bến Thủy I Km20+200, cầu Bến Thủy II Km21+800, cầu Yên Xuân đường sắt Km40+100.

+ Sông Hoàng Mai: cầu Đền Cờn Km5+300, cầu Hoàng Mai Km11+450.

+ Kênh Nhà Lê: cầu Kẽ Gai Km13+400, cầu Vạn Tầng Km15+500.

- Các phương tiện cần chú ý khi đi qua khu vực:

+ Dòng chảy xiên với trụ cầu, dòng chảy xiết, xoáy, tầm nhìn hạn chế thượng lưu cầu Yên Xuân đường sắt.

+ Đá ngầm lún ra luồng tại Km85+400 tuyến sông Lam.

+ Dải đá ngầm tại Km15+600 - Km17+500 tuyến sông Hoàng Mai.

+ Khu neo đậu với mật độ phương tiện lớn tại Km1+500-Km4+300, Km6+500-Km7+500 tuyến sông Hoàng Mai.

+ Luồng hẹp bán kính nhỏ luồng hẹp và bị cây cối che khuất tại Km5+050 - Km6+100 tuyến Kênh Nhà Lê.

- Tại khu vực cụm cầu Bến Thủy I Km20+200, Bến Thủy II Km21+800, cầu Yên Xuân đường sắt Km40+100 đang thực hiện công tác thường trực chống va trôi đảm bảo giao thông.

- **Tình hình vận tải:** Tất cả các tuyến ĐTND giao quản lý trong tháng 08/2020 đều an toàn, thông suốt.

- **Tình hình mực nước:** Hiện nay đang vào mùa mưa lũ, mực nước sông dâng.

- **Tình hình hoạt động khai thác cát sỏi:** Khai thác chỉ diễn ra tại các khu vực mỏ đã được cấp phép, việc khai thác cát sỏi trái phép trong tháng 08/2020 không có.

- **Tình hình nạo vét, vật chướng ngại, tai nạn ... trên các tuyến ĐTND:** Không.

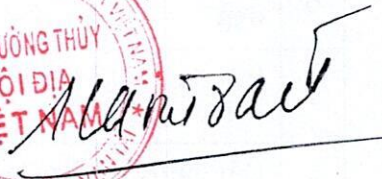
Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố Thông báo hiện trạng luồng chạy tàu trên các tuyến sông trên địa bàn tỉnh Nghệ An tháng 8/2020 để các tổ chức, cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết.

Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện lưu hành an toàn./. 

Nơi nhận:

- Cục trưởng (để b/c);
- Sở GTVT Nghệ An;
- Website Cục ĐTND Việt Nam;
- Lưu: VT, QLKCHT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Hoàng Minh Toàn